

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN DƯƠNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 05/2020/KDTM-ST

Ngày 22-9-2020

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Liên

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Lợi

Ông Đỗ Văn Thư

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Trí Thắng - Thư ký Tòa án huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngọc Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2020/TLST-KDTM ngày 20 tháng 8 năm 2020 về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2020/QĐXXST-KDTM ngày 20 tháng 8 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2020/QĐST-KDTM ngày 14 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S; địa chỉ: Số 77 T, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Hồng Q – Phó Trưởng Phòng xử lý nợ SHB Chi nhánh Hải Phòng là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Giấy ủy quyền số 226/UQ-TGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2017); có mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Cơ khí M; địa chỉ: Thôn N, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng;

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Đỗ Công M trú tại thôn N, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng là người đại diện theo pháp luật của bị đơn (Giám đốc Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Cơ khí M); vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đỗ Công M và bà Ngô Thị T, trú tại thôn N 2, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 17/4/2020 và tại phiên tòa, nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (gọi tắt là Ngân hàng) do ông Đào Việt A là người đại diện theo uỷ quyền trình bày:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S, Phòng Giao dịch Kiến An và Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Cơ khí M (gọi tắt là Công ty M) đã ký Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số: 177/2018/HDHM-PN/SHB.110401 ngày 25 tháng 10 năm 2018 (gọi tắt là Hợp đồng tín dụng), theo nội dung hợp đồng: Ngân hàng cho Công ty M vay số tiền là 300.000.000đồng; Mục đích vay vốn: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại; Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng: 12 tháng (từ ngày 25/10/2018 đến ngày 25/10/2019), thời hạn mỗi khoản vay trong hạn mức tín dụng được quy định cụ thể tại Khế ước nhận nợ nhưng tối đa không vượt quá 06 tháng, kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân, gốc trả vào ngày hết hạn và lãi trả hàng tháng; Lãi suất cho vay trong hạn kỳ đầu tiên là 11%/năm, điều chỉnh lãi suất định kỳ 03 tháng/lần kể từ thời điểm giải ngân, mức lãi suất áp dụng cho kỳ điều chỉnh tiếp theo bằng lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 06 tháng trả lãi sau cao nhất khách hàng cá nhân của SHB tại thời điểm điều chỉnh cộng với (+) Biên độ cho vay là 4,0%/năm. Lãi chậm trả: Không được vượt quá 10%/năm và được tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với số ngày thực tế chậm trả. Lãi suất áp dụng đối với nợ gốc quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm nợ gốc bị quá hạn thanh toán và được tính trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với số ngày thực tế chậm trả gốc. Tài sản đảm bảo của khoản vay trên gồm: Quyền sử dụng 98m² đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 86A, tờ bản đồ số 36 tại thôn N, xã A, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CO 716282, số vào sổ: cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH.00078 do Ủy ban nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng cấp ngày 01 tháng 8 năm 2018 cho ông Đỗ Công M và bà Ngô Thị T. Tài sản thế chấp trên đã được các bên thỏa thuận ký kết hợp đồng thế chấp tài sản và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Thực hiện hợp đồng Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty M vay tổng số tiền 300.000.000 đồng tại Khế ước nhận nợ số 02-177/2018/HDHM-PN/SHB.110401/KUNN-DN ngày 26/4/2019, Công ty M đã trả được cho Ngân hàng tổng số tiền là 19.504.178đồng (trong đó nợ gốc là 2.424.474đồng, nợ lãi là 17.079.704 đồng), sau đó vi phạm nghĩa vụ trả nợ và khoản vay đã chuyển nợ quá hạn từ ngày 27/5/2019, Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc Công ty M thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng Công ty M không trả nợ nên Ngân hàng đã khởi kiện đối với Công ty M yêu cầu trả số tiền còn nợ tính đến hết ngày 18 tháng 8 năm 2020 số tiền là 341.324.605 đồng, trong đó nợ gốc 297.575.526 đồng, nợ lãi quá hạn 43.749.079đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 19 tháng 8 năm 2020 theo Hợp đồng tín dụng cho đến khi trả xong nợ. Đến ngày 17 tháng 9 năm 2020 Công ty M đã trả Ngân hàng 300.000.000đồng, trong đó trả nợ gốc 297.575.526 đồng và

một phần tiền lãi là 2.424.474 đồng và còn nợ lại số tiền lãi là 45.653.540 đồng, trong đó lãi trong hạn là 29.630.526 đồng và lãi quá hạn 16.023.014 đồng.

Do Công ty M đã trả xong nợ gốc nên Ngân hàng rút yêu cầu khởi kiện đối với Công ty M về số tiền nợ gốc 297.575.526 đồng. Đối với số tiền nợ lãi thì Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc Công ty M phải trả cho Ngân hàng số tiền lãi theo Hợp đồng tín dụng tính đến hết ngày 17 tháng 9 năm 2020 là 45.653.540 đồng, trong đó lãi trong hạn là 29.630.526 đồng và lãi quá hạn 16.023.014 đồng, ngoài số tiền lãi trên thì Ngân hàng không yêu cầu Công ty M trả bất kỳ khoản tiền lãi nào khác từ Hợp đồng tín dụng đã ký.

Nếu Công ty M không trả được nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng đề nghị Tòa án tuyên phát mại tài sản thế chấp thuộc quyền sở hữu và sử dụng của ông Đỗ Công M và bà Ngô Thị T đang sử dụng hợp pháp theo hợp đồng thế chấp đã ký giữa Ngân hàng, ông Đỗ Công M và bà Ngô Thị T như đã nêu ở trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Đối với diện tích đất và tài sản trên đất ông Minh bà T đang sử dụng thuộc hành lang đường, Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Số tiền phát mại tài sản bảo đảm thu được sau khi trả nợ cho Ngân hàng nếu còn thừa sẽ trả lại cho bên thế chấp là ông Minh bà T, nếu thiếu Công ty M phải tiếp tục hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Bị đơn Công ty M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Công M không có quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần theo quy định của pháp luật.

Tại các biên bản lấy lời khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị T trình bày: Công ty M do chồng bà là ông Đỗ Công M làm Giám đốc có ký hợp đồng tín dụng để vay số tiền 300.000.000 đồng như lời khai của nguyên đơn và vợ chồng bà cũng ký hợp đồng thế chấp thế chấp diện tích đất 98m² để thế chấp cho khoản vay của Công ty M như đại diện Ngân hàng trình bày. Ngôi nhà và tài sản trên diện tích đất 98m² vợ chồng bà xây trước khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 98m² nói trên chính quyền địa phương không nói cho gia đình bà biết là gia đình bà sử dụng diện tích đất hành lang đường. Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án xác định ngoài sử dụng diện tích đất 98m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp vợ chồng bà còn sử dụng diện tích đất thuộc hành lang đường 7,8m² trên đó có cổng, phần tường bao, nếu Công ty M không trả được nợ cho Ngân hàng thì bà đồng ý phát mại tài sản đã thế chấp để trả nợ cho Công ty M và Ngân hàng chỉ được quyền phát mại tài sản thế chấp là diện tích đất 98m² và tài sản trên đất.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn Công ty M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Công M, bà Ngô Thị T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do đã vi phạm các điều 70, 72, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 317, 318, 319, 320 và khoản 1 Điều 351 của Bộ luật Dân sự; điểm g khoản 1 Điều 179 Luật Đất đai năm 2013; khoản 14 Điều 4, các điều 90, 91, 95, 98 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 3 Nghị định số 83/NĐ-CP ngày 23/7/2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm; Điều 6, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty M có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ lãi là 45.653.540 đồng, trong đó lãi trong hạn là 29.630.526 đồng và lãi quá hạn 16.023.014 đồng. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đã rút về số tiền nợ gốc. Trường hợp Công ty M không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm để thực hiện nghĩa vụ trả nợ của Công ty M đối với Ngân hàng, gồm: Quyền sử dụng 98m² đất ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 86A tờ bản đồ số 36 thôn N, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CO 716282, số vào sổ: cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH.00078 do Ủy ban nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng cấp ngày 01 tháng 8 năm 2018 cho ông Đỗ Công M và bà Ngô Thị T. Số tiền phát mại tài sản bảo đảm thu được sau khi trả nợ cho Ngân hàng nếu còn thừa sẽ trả lại cho bên thế chấp là ông Đỗ Công M và bà Ngô Thị T; Công ty M phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Về việc vắng mặt của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng, tổng đạt các văn bản tố tụng cho Công ty M, ông Đỗ Công M và bà Ngô Thị T nhưng tại phiên tòa lần thứ hai đại diện hợp pháp của Công ty M, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Minh và bà T tiếp tục vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn Công ty M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Công M, bà Ngô Thị T.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án kinh doanh thương mại “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” nên theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

- Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3] Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, các chứng cứ do đương sự cung cấp và do Tòa án thu thập được, xét Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số: 177/2018/HDHM-PN/SHB.110401 ngày 25 tháng 10 năm 2018, đã ký giữa Ngân

hàng và Công ty M đã được hai bên thống nhất thoả thuận, ký kết bởi những người có đủ thẩm quyền, hình thức, nội dung hợp đồng không vi phạm các điều cấm, không trái pháp luật, đạo đức xã hội. Do vậy, hợp đồng là hợp pháp, là căn cứ pháp lý để các bên thực hiện.

[4] Đối với số tiền nợ gốc: Quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã thực hiện đúng nghĩa vụ là giải ngân cho Công ty M vay số tiền 300.000.000 đồng theo Khế ước nhận nợ số 02-177/2018/HDHM-PN/SHB.110401/KUNN-DN ngày 26/4/2019. Công ty M đã nhận đủ số tiền vay nhưng đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, tính đến ngày 26 tháng 10 năm 2019 Công ty M đã trả cho Ngân hàng số tiền là 19.504.178 đồng (trong đó nợ gốc là 2.424.474 đồng, nợ lãi là 17.079.704 đồng). Do Công ty M vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng đã khởi kiện là đòi số tiền nợ gốc và lãi phát sinh là có căn cứ. Đến ngày 17 tháng 9 năm 2020 Công ty M tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng số tiền là 300.000.000 đồng (trong đó nợ gốc là 297.575.526 đồng, nợ lãi trong hạn 2.424.474 đồng). Như vậy, tính đến ngày 17 tháng 9 năm 2020 Công ty M đã trả xong tiền nợ gốc cho Ngân hàng là 297.575.526 đồng nên tại phiên tòa Ngân hàng rút yêu cầu khởi kiện đối với Công ty M về số tiền nợ gốc là có căn cứ và căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu Ngân hàng đã rút.

[5] Đối với số tiền nợ lãi: Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty M đã vi phạm thời hạn trả nợ nên đã phát sinh lãi trong hạn và lãi quá hạn nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc yêu cầu Công ty M phải trả khoản tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn là có căn cứ. Quá trình giải quyết vụ án, Công ty M không có quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, căn cứ vào tài liệu chứng cứ do Ngân hàng cung cấp về số dư nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn theo hợp đồng tín dụng hai bên đã ký, có căn cứ xác định tính đến hết ngày 17 tháng 9 năm 2020 Công ty M còn nợ Ngân hàng số tiền nợ lãi là 45.653.540 đồng, trong đó: lãi trong hạn 29.630.526 đồng, lãi quá hạn 16.023.014 đồng. Tại phiên tòa Ngân hàng yêu cầu Công ty M trả số tiền nợ lãi 45.653.540 đồng, ngoài số tiền lãi trên thì Ngân hàng không yêu cầu Công ty M phải trả bất kỳ khoản tiền lãi nào khác từ Hợp đồng tín dụng đã ký. Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc yêu cầu Công ty M trả số tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn 45.653.540 đồng là có căn cứ chấp nhận. Do đó, cần buộc Công ty M phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ lãi là 45.653.540 đồng.

[6] Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm: Để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của Công ty M vay vốn của Ngân hàng, ông Minh và bà T đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 177/2018/HĐHM-PN/SHB.110401 ngày 25/10/2018. Theo nội dung Hợp đồng thế chấp ông Minh và bà T đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng 98m² đất ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 86A, tờ bản đồ 36 thôn N, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CO 716282, sổ vào sổ: cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH.00078 do Ủy ban nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng cấp ngày 01 tháng 8 năm 2018 cho ông Đỗ Công M và bà Ngô Thị T. Xét thấy: Hợp đồng thế chấp tài sản quyền sử dụng đất nêu trên được thoả thuận, ký kết bởi những người có đủ năng lực, thẩm quyền, được chứng nhận

bởi cơ quan công chứng và đăng ký tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật. Do vậy, hợp đồng thế chấp tài sản là căn cứ pháp lý phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

[7] Theo nội dung của hợp đồng thế chấp tài sản nêu trên quy định: ...*tài sản thế chấp được xử lý khi đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ mà Bên C (Công ty M) không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ Nghĩa vụ được bảo đảm theo thỏa thuận tại bất kỳ Hợp đồng Cấp tín dụng nào đã ký kết với bên A (Ngân hàng),...* Công ty M đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ đã ký với Ngân hàng. Do vậy, yêu cầu về việc được quyền đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp hiện thuộc quyền sở hữu và sử dụng của ông Đỗ Công M và bà Ngô Thị T nêu trên của Ngân hàng đưa ra là có căn cứ.

[8] Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án ngày 20 tháng 7 năm 2020 cho thấy: Tài sản ông Minh và bà T đang quản lý, sử dụng ngoài ngôi nhà và diện tích sân được xây dựng trên diện tích 98m² đất ông Minh bà T được sử dụng hợp pháp đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; ông Minh bà T còn sử dụng phần diện tích đất 7,8m² thuộc diện tích hành lang đường do Nhà nước quản lý trên đó có một phần diện tích tường bao, cổng. Đối với tài sản trên diện tích đất ông Minh bà T đang sử dụng thuộc hành lang đường thuộc đất công do Nhà nước quản lý không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, nên Tòa án không xem xét, giải quyết. Tòa án chỉ giải quyết phát mại các tài sản trên diện tích đất 98m² ông Minh bà T đang sử dụng hợp pháp, đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo hợp đồng thế chấp tài sản đã ký giữa Ngân hàng,

[9] Số tiền phát mại các tài sản bảo đảm thu được sau khi trả nợ cho Ngân hàng nếu còn thừa sẽ trả lại cho bên thế chấp ông Minh bà T, nếu thiếu Công ty M phải tiếp tục hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

- Về án phí:

[10] Công ty M phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được Tòa án chấp nhận. Trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 317, 318, 319, 320, khoản 1 Điều 351, các 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 14 Điều 4, các điều 90, 91, 95, 98 của Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 3 Nghị định số 83/NĐ-CP ngày 23/7/2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm; Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 10 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đối với Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Cơ khí M, buộc: Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Cơ khí M phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền nợ lãi theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số: 177/2018/HDHM-PN/SHB ngày 25 tháng 10 năm 2018 tính đến hết ngày 17 tháng 9 năm 2020 là 45.653.540 đồng (Bốn mươi lăm triệu sáu trăm năm mươi ba nghìn năm trăm bốn mươi đồng), trong đó: lãi trong hạn 29.630.526 đồng, lãi quá hạn 16.023.014 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành (Ngân hàng TMCP S) cho đến khi thi hành án xong, Công ty M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đình chỉ xét xử phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đối với Công ty M đã rút về số tiền nợ gốc 297.575.526 đồng.

Trường hợp Công ty M không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm để thực hiện nghĩa vụ trả nợ của ông Minh và bà T đối với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S, gồm: Quyền sử dụng 98m² đất ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 86A tờ bản đồ số 36 thôn N, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CO 716282, số vào sổ: cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH.00078 do Ủy ban nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng cấp ngày 01 tháng 8 năm 2018 cho ông Đỗ Công M và bà Ngô Thị T.

Số tiền phát mại tài sản bảo đảm thu được sau khi trả nợ cho Ngân hàng nếu còn thừa sẽ trả lại cho bên thế chấp ông Đỗ Công M và bà Ngô Thị T, nếu thiếu Công ty M phải tiếp tục hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

2. Về án phí:

Công ty TNHH M phải chịu 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước. Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền 8.062.000 đồng (Tám triệu không trăm sáu mươi hai nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương theo Biên lai số 0012589 ngày 20 tháng 5 năm 2020.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng

mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự An Dương;
- Tòa án nhân dân T.P Hải Phòng;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Liên